TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số:133/2023/HS-ST
Ngày 22-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức C

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1976, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao đông tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Tvà bà Bùi Thị Ch (đều đã chết); tiền án: Bản án số 137/2014/HSST ngày 27-11-2014 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (chưa thi hành khoản tiền phạt 5.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành); tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 1757 ngàu 05-10-2006 của Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Bùi Văn Đ với thời gian 12 tháng từ ngày 05-9-2006 đến ngày 05-9-2007; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 chuyển tạm giam; có mặt.

2. **Trần Văn C**, sinh năm 1968, tại Hải Phòng; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao đông tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Cầm và bà Đỗ Thị Th (đều đã chết); có vợ là Lại Thị Tg; tiền án: Bản án số 214/2005/HSST ngày 17-11-2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 11 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (chưa thi hành xong tiền án phí

sơ thẩm và tiền phạt bổ sung); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1977, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao đông tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị X (đều đã chết); có vợ là Trần Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị M (đều đã chết); có vợ là Đỗ Thị Như; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Bùi Văn T**, sinh năm 1990, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Lý và bà Lê Thị H, có vợ là Bùi Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Lê Văn H** (tên gọi khác: Lê Văn C), sinh năm 1957 tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: huyện Hải Hà,, tỉnh Quảng Ninh, chỗ ở hiện nay: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Bùi Thị Ư (đều đã chết); có vợ Lê Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2022, đến ngày 23 tháng 11 năm 2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1981 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Th (đã chết) và bà Phạm Thị C; có vợ Vũ Thị Th; tiền án: Bản án số 36/2000/HS-ST ngày 17-5-2000 của Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 15 tháng tù giam về tội lừa đảo chiếm đoạt T sản của công dân (chưa thi hành án phí dân sự và bồi thường); tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 181/QĐ-XPHC ngày 23-9-2022 về hành vi đánh bạc; nhân thân: Bản án số 244/HSST/1999 ngày 03 -11-1999 của Toà án nhân dân quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 42 tháng tù về tội cướp T sản (đã xoá); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 6 năm 2023, đến ngày 15 tháng 6 năm 2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên, bà Cù Thúy Minh, Trợ giáp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. Bà Minh có mặt, bà Liên vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian về nhà mới, Đ thấy nhà có nhiều khách đến chơi nên ngày 16-11-2022, Đ đã mua 02 bộ bài chắn (01 xanh, 01 đỏ) và 01 bộ bài tú lơ khơ mang về nhà để khi có người đến sẽ sử dụng đánh bạc ăn tiền. Khoảng 20h cùng ngày, Đ và anh Lan (anh trai Đ) đang ngồi uống nước ở phòng khách thì có Hồi, Thỏa, Kiên, D cùng trú tại thị trấn Minh Đức đến ngồi chơi uống nước cùng. Anh Lan thấy mệt nên vào phòng nằm nghỉ. Hồi, Thỏa, D, Kiên rủ nhau đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức "đánh phỏm" tại nhà Đ và thống nhất tỉ lệ chơi là 2-4-6 tức người thắng thì sẽ được người về nhì trả 20.000 đồng, người về 3 trả 40.000 đồng, người về cuối trả 60.000 đồng, người nào không có "phỏm" gọi là bị cháy bài thì trả cho người nhất 100.000 đồng; người nào có bài "ù" thì những người thua phải trả 150.000 đồng; người nào có bài "ù thông" thì những người thua phải trả 300.000 đồng. Đ dẫn Thỏa, Kiên, D, Hồi vào phòng bếp chải chiếu và lấy bộ bài tú lơ khơ cho Hồi, Thỏa, D, Kiên chơi còn Đ không chơi. Khi cả nhóm chơi được một lúc thì Ánh đến và vào thay chân Hồi đánh bài. Số tiền dùng đánh bạc như sau: Hồi sử dụng 500.000 đồng, Thỏa sử dụng 700.000 đồng, Kiên sử dụng 460.000 đồng, D sử dụng 650.000 đồng, Ánh sử dụng 1.000.000 đồng. Trong khi Ánh, Thỏa, D, Kiên đang đánh bài thì C, Đ, S lần lượt đến nhà Đ chơi. Cả nhóm ngồi xem nhóm của Ánh đánh bài. Đ dùng điện thoại gọi cho T và H rủ đến nhà Đ chơi đánh bài chắn ăn tiền, T và H đồng ý. Khoảng 21h cùng ngày, T và H đến nhà Đ, Đ trải sẵn chiếu trong bếp và 02 đĩa sứ đựng 02 bộ bài để trên chiếu để nhóm của T đánh bài được thua bằng tiền. T, Đ, H, S thống nhất cách chơi như sau: Người nào có bài ù xuông thì những người khác phải phả cho người ù 40.000 đồng; người nào có bài ù tôm hoặc ù thông thì mỗi người còn lại phải trả 60.000 đồng; người nào có bài ù bạch định, ù tám đỏ, ù bạch thủ, ù chi thì mỗi người còn lại trả cho người ù là 200.000 đồng. C là người chia bài cho cả nhóm chơi, C được mỗi người chơi trả công chia bài trong 2 tiếng là 50.000 đồng. Số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc như sau: T sử dụng 1.500.000 đồng; H sử dụng 1.000.000 đồng; Đ sử dụng 2.700.000 đồng; S sử dụng 1.500.000 đồng. Nhóm của T chơi đến 23h cùng ngày thì mỗi người trả cho C là 50.000 đồng tiền chia bài sau đó chơi tiếp. Đ không chơi chỉ đi lại xem. Khoảng 23h 10 phút cùng ngày, Đ đi vào phòng ngủ lấy 01 gói ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang thu dưới chiếu bạc của nhóm đánh phỏm là 3.310.000 đồng, 01chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây. Thu dưới chiếu bạc của nhóm đánh chắn là 6.500.000 đồng, 01 chiếu cói, 02 địa sứ, 02 bộ bài dùng đánh chắn, thu giữ trên người C 200.000 đồng. Thu tại phòng ngủ của Đ 01 mảng giấy báo chứa chất ma túy.

Quá trình bắt giữ, Đ khai do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 15 giờ ngày 16-11-2022, Đ đi một mình sang khu vực đường tàu Hải Phòng mua của người phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Mua được ma túy, Đ mang về nhà với mục đích để sử dụng cho bản thân. Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, khi cả hai nhóm đang chơi bài thì Đ mang gói ma túy vào phòng ngủ đặt trên nền chuẩn bị sử dụng thì bị công an phát hiện bắt giữ.

Ngoài ra cơ quan công an còn tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động có gắn sim của Bùi Văn T, 01 chiếc điện thoại di động có gắn sim của Lê Văn H, 01 điện thoại di động có gắn sim của Bùi Văn Đ.

Kết luận giám định số 625/KL-KTHS (MT) ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ tại nền phòng ngủ của Bùi Văn Đ là ma túy có khối lượng 0,26gam là loại Heroine.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng gồm: 01 phong bì niêm phong số 625MT/PC chất ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; số tiền 10.010.000 đồng; 02 chiếu cói; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 02 đĩa sứ, 02 bộ bài dùng để đánh chắn, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám số IMEI: 356991065647208 bên trong có sim số 0902819998 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiện Samsung màu đen số IMEI 1: 356202/09/1930075, số IMEI 2: 356202/09/193007/3 bên trong có sim điện thoại số 0912.616.405 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 351825/10/010719/7, số IMEI 2: 351901/10/010719/6 bên trong có sim điện thoại số 0971.349.406 và 01 sim điện thoại không xác định được số đã qua sử dụng, đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 136/CT-VKSTN ngày 30 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hoàng S, Bùi Văn T, Lê Văn H và Nguyễn Tiến D về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, từ 15 đến 18 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt tù từ 33 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2022 đến ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12 tháng 6 năm 2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.010.000 đồng; Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 625MT/PC chất ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 02 chiếu cói; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 02 đĩa sứ, 02 bộ bài dùng để đánh chắn; Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám số IMEI: 356991065647208 bên trong có sim số 0902819998 đã qua sử dụng của Bùi Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiện Samsung màu đen số IMEI 1: 356202/09/1930075, số IMEI 2: 356202/09/193007/3 bên trong có sim điện thoại số 0912.616.405 của Lê Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 351825/10/010719/7, số IMEI 2: 351901/10/010719/6 bên trong có sim điện thoại số 0971.349.406 và 01 sim điện thoại không xác định được số điện thoại của Bùi Văn Đ; Bị cáo Đ là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Đồng ý với nội dung truy tố của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo Đ ở mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về tội danh: Ngày 16 tháng 11 năm 2022, Bùi Văn Đ có hành vi sử dụng nơi ở của mình ở tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, chuẩn bị các dụng cụ (bài, chiếu, đĩa) cho Bùi Ngọc Hồi, Lê Văn Ánh, Vũ Văn

Thỏa, Nguyễn Phú Kiên, Nguyễn Tiến D tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "đánh phỏm" (số tiền thu được tại chiếu bạc là 3.310.000 đồng) và cho Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn T, Trần Văn C, Nguyễn Hoàng S tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức "đánh chắn" (số tiền thu được tại chiếu bạc là 6.500.000 đồng) đã bị cơ quan công an bắt quả tang. Ngoài ra cùng ngày, bị cáo Bùi Văn Đ có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trong nhà để sử dụng cho bản thân có khối lượng 0,26gam là loại Heroine. Hành vi của Bùi Văn Đ đã phạm tội tổ chức đánh bạc, thuộc trường hợp "*Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc.....hoặc tổ chức 02 chiếc bạc trở lên cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dụng đánh bạc trị giá 5.000.000 trở lên*" quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn T, Trần Văn C, Nguyễn Hoàng S đã dùng số tiền 6.700.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức "đánh chắn" (trong đó có 6.500.000 đồng đánh bạc và 200.000 đồng trả công chia bài cho C). Nguyễn Tiến D đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xoá, đã tham gia đánh bạc dưới hình thức "đánh phỏm" (số tiền sử dụng đánh bạc là 3.310.000 đồng) nên các bị cáo đã phạm vào tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn Đ đã có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma tuý chưa được xoá án tích nay lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma tuý và tổ chức đánh bạc. Ma tuý và đánh bạc đều là tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Đối với hành vi đánh bạc: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn T, Nguyễn Hoàng S được áp dụng tình tiết giảm nhẹ *"*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*",* Bị cáo H có thời gian tham gia quân đội, bị cáo S có bố tham gia cách mạng được tặng thưởng huân huy chương nên bị cáo H, S được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tiến D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "đầu thú" theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn Đ, Trần Văn C, Nguyễn Tiến D đã có tiền án chưa được xoá án tích nay lại phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về phân hóa vai trò trong vụ án đồng phạm: Đối với tội đánh bạc được xác định là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau từ trước, số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Các bị cáo đều trực tiếp tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau.

[4] Về hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ. Áp dụng hình phạt tù có

thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Tiến D. Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn T, Nguyễn Hoàng S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 625MT/PC09 chứa chất ma tuý và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 02 chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 02 đĩa sứ; 02 bộ bài dùng để đánh chắn. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.010.000 đồng. Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám số IMEI: 356991065647208 bên trong có sim số 0902819998 đã qua sử dụng thu của Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiện Samsung màu đen số IMEI 1: 356202/09/1930075, số IMEI 2: 356202/09/193007/3 bên trong có sim điện thoại số 0912.616.405 của Lê Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 351825/10/010719/7, số IMEI 2: 351901/10/010719/6 bên trong có sim điện thoại số 0971.349.406 và 01 sim điện thoại không xác định được số điện thoại thu của Bùi Văn Đ.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Đối với Bùi Ngọc Hồi, Lê Văn Ánh, Vũ Văn Thoả, Nguyễn Phú Kiên có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "phỏm" ăn tiền, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Nhân thân Hồi, Ánh, Thoả, Kiên chưa có tiền án tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc nên Công an huyện Thuỷ Nguyên đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tương trên là đúng quy định của pháp luật. Đối tượng bán ma tuý cho Đ, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên kkông có cơ sở xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn Đ là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo Lê Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn

Đ 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 15 tháng về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17 tháng 11 năm 2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn C 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2022 đến ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tiến D 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ 12 tháng 6 năm 2023.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hoàng S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" thời gian thử thách là 24 (hai tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không

quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo T liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất C trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn T, Nguyễn Hoàng S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niên phong số 625MT/PC09 chứa chất ma tuý và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 02 chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 02 đĩa sứ; 02 bộ bài dùng để đánh chắn. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.010.000 đồng. Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám số IMEI: 356991065647208 bên trong có sim số 0902819998 đã qua sử dụng của Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiện Samsung màu đen số IMEI 1: 356202/09/1930075, số IMEI 2: 356202/09/193007/3 bên trong có sim điện thoại số 0912.616.405 đã qua sử dụng của Lê Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh số IMEI 1: 351825/10/010719/7, số IMEI 2: 351901/10/010719/6 bên trong có sim điện thoại số 0971.349.406 và 01 sim điện thoại không xác định được số điện thoại đã qua sử dụng của Bùi Văn Đ. (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, T sản ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng và biên lai thu tiền số 0004557 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên).

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa

án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị

cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá T sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)